

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày 24/3/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Phạm Văn Động

- Ông Trương Văn Sắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh, thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang. Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Lầu H, 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Vũ Ngọc H**, sinh năm 1877 – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K – P. Theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023. (Vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Việt A** – Chức vụ: Phó phòng giao dịch – phụ trách kinh doanh Ngân hàng TMCP S – P. Theo Giấy uỷ quyền số 139/2024/GUQ-PGDTH ngày 31/12/2024. (Có mặt)

Địa chỉ: Số D, quốc lộ H, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Nguyễn Việt A trình bày:

Ngày 18/6/2018, anh Trần Thanh N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh K – P (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh Trần Thanh N với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với mục đích là để tiêu dùng cá nhân, ngày kích hoạt thẻ là ngày 22/6/2018. Lãi suất thỏa thuận tại thời điểm làm thẻ là 2.17%/tháng, Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo cho chủ thẻ. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Trần Thanh N đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/6/2018 đến ngày 22/01/2024 với tổng số tiền là 304.540.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 22/6/2018 đến nay anh Trần Thanh N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 312.513.513 đồng (Ba trăm mười hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm mười ba đồng). Trong đó:

- Tiền gốc đã thanh toán: 264.429.551 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi một đồng).
- Tiền lãi, phí đã thanh toán: 48.083.962 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng).

Trong quá trình vay anh N không trả gốc và nợ lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở để anh N trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng nhưng anh N vẫn không thực hiện. Tính đến thời điểm khởi kiện, anh N còn nợ Ngân hàng số tiền là 37.745.278 đồng (Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng, L quá hạn là 3.069.248 đồng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu anh Trần Thanh N thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ và lãi quá hạn tính đến ngày 24/3/2025 là 55.153.669 đồng (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm

sáu mươi chín đồng). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng), Lãi quá hạn là 20.477.639 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng). Ngoài ra, anh Trần Thanh N có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/3/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Đối với bị đơn anh Trần Thanh N: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, họp lệ giấy triệu tập cho anh Trần Thanh N tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh N không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu anh Trần Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ và lãi quá hạn tính đến ngày 24/3/2025 là 55.153.669 đồng (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng). Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn anh Trần Thanh N có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía Ngân hàng đồng ý xét xử vắng mặt anh Trần Thanh N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh N.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu anh Trần Thanh N trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn nợ với tổng số tiền là 55.153.669 đồng (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng), Nợ lãi là 20.477.639 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng). Hội đồng xét xử xét thấy trước đây anh Trần Thanh N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh K – P (*gọi tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh Trần Thanh N với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) với mục đích là để tiêu dùng cá nhân, ngày kích hoạt thẻ là ngày 22/6/2018.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Trần Thanh N đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/6/2018 đến ngày 22/01/2024 với tổng số tiền là 304.540.000 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Trong quá trình vay anh N không trả gốc và nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở để anh N trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng nhưng anh N vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 24/3/2025, anh N còn nợ Ngân hàng số tiền là 55.153.669 đồng (*Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng*). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (*Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng*), Lãi quá hạn là 20.477.639 đồng (*Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng*).

Đối với anh Trần Thanh N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét giao dịch giữa Ngân hàng và anh Trần Thanh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 124 Bộ luật dân sự 2015.

Xét thấy mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập là phù hợp với quy định pháp luật. Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo lãi suất trong hạn, lãi quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Từ khi vay đến nay anh N không trả gốc và nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở để anh N trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng nhưng anh N vẫn không thực hiện. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu anh Trần Thanh N trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/3/2025 là 55.153.669 đồng (*Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng*).

mười chín đồng). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng), Nợ lãi là 20.477.639 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Từ những cơ sở và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc anh Trần Thanh N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/3/2025 là 55.153.669 đồng (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng), Nợ lãi là 20.477.639 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Thanh N phải chịu án phí trên số tiền 55.153.669 đồng buộc phải trả cho Ngân hàng TMCP S là $5\% \times 55.153.669 =$ làm tròn 2.758.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 944.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007101 (Phạm Trường T nộp) ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Buộc anh Trần Thanh N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/3/2025 là 55.153.669 đồng (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó, Nợ gốc là 34.676.030 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng), Nợ lãi là 20.477.639 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

Anh Trần Thanh N có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/3/2025 đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S với anh Trần Thanh N.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Trần Thanh N phải chịu án phí trên số tiền 55.153.669 đồng buộc phải trả cho Ngân hàng TMCP S là $5\% \times 55.153.669 =$ làm tròn 2.758.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 944.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007101 (Phạm Trường T nộp) ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt